



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2020

Ngành: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**
 Chuyên ngành: *Thiết kế đồ họa*
 Mã số ngành: **7480201**

Số tín chỉ tích lũy: **134**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐAMH	KLTN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			35	35	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					POL105
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					
4	POL108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2					
5	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			9	9	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS202	Toán cao cấp	3	3					
3	NAS204	Vật lý đại cương	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
I.4.01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 2 học phần)							
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
2	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)							
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)							
1	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)							
1	MAN201	Quản trị học	3	3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)							
1	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
2	MAR201	Marketing căn bản		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	30	11	6	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			20	15	5	1	0	0	
1	INT306	Nhập môn ngành CNTT	2	2					
2	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề CNTT	1			1			
3	INT302	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	2					
4	INT307	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	1		1				
5	INT312	Lập trình C++	2	2					
6	INT313	Thực hành Lập trình C++	1		1				
7	INT305	Lập trình C++ nâng cao	2	2					INT312

8	INT309	Thực hành Lập trình C++ nâng cao	1		2				INT313
9	INT304	Kiến trúc máy tính	2	2					
10	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	2					
11	INT303	Cơ sở dữ liệu	3	3					
12	INT308	Thực hành Cơ sở dữ liệu	1		1				
II.2. Các học phần chuyên ngành			47	15	6	0	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			35	9	3	0	0	0	
1	INT416	Hệ điều hành	2	2					
2	INT425	Mạng máy tính	2	2					
3	INT441	Thực hành Mạng máy tính	1		1				
4	INT454	Quản trị hệ thống mạng	2	2					INT425
5	INT455	Thực hành Quản trị hệ thống mạng	1		1				INT441
6	INT423	Lập trình web	2	2					INT305
7	INT439	Thực hành Lập trình web	1		1				INT309
8	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3	3					
Chuyên ngành Thiết kế đồ họa			21						
9	INT574	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	2	2					INT577
10		TH Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	1		1				INT577
11	INT575	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	2	2					INT577
12		TH Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	1		1				INT577
13	INT576	Thiết kế đồ họa cơ bản 3 (In Design)	2	2					INT577
14		TH Thiết kế đồ họa cơ bản 3 (In Design)	1		1				INT577
15	INT577	Cơ sở thiết kế đồ họa	2	2					
16	INT578	Thiết kế đồ họa 2D	2	2					INT574
17		TH Thiết kế đồ họa 2D	1		1				
18	INT581	Đồ họa dàn trang	2	2					INT576
19		TH Đồ họa dàn trang	1		1				
20	INT450	Thực tập cơ sở	4			4			
II.2b. Phần tự chọn			12	6	3	0	0	0	
Chọn 12 tín chỉ			12	6	3				
Chuyên ngành Thiết kế đồ họa									
(Chọn 1 trong 3 cặp HP)									
1	INT579	Thiết kế đồ họa 3D	2	2					
2		TH Thiết kế đồ họa 3D	1		1				
3	INT583	Thiết kế giao diện ứng dụng	2	2					
4		Thiết kế giao diện ứng dụng	1		1				
5	INT582	Đồ họa nhận diện thương hiệu	2	2					
6		TH Đồ họa nhận diện thương hiệu	1		1				
(Chọn 1 trong 3 cặp HP)									
7	INT584	Thiết kế dựng cảnh phim, clip	2	2					
8		TH Thiết kế dựng cảnh phim, clip	1		1				
9	INT585	Nhiếp ảnh nâng cao	2	2					
10		TH Nhiếp ảnh nâng cao	1		1				
11	INT586	Thiết kế hình ảnh và âm thanh số	2	2					
12		TH Thiết kế hình ảnh và âm thanh số	1		1				
(Chọn 1 trong 2 cặp HP)									
13	INT587	Đồ họa động	2	2					
14		TH Đồ họa động	1		1				
15	INT588	Thiết kế kỹ xảo hình	2	2					
16		TH Thiết kế kỹ xảo hình	1		1				
(Chọn 1 trong 2 cặp HP)									
17	INT589	Hoạt hình nâng cao	2	2					
18		TH Hoạt hình nâng cao	1		1				
19	INT590	Kịch bản và xây dựng kịch bản phân cảnh	2	2					
20		TH Kịch bản và xây dựng kịch bản phân cảnh	1		1				
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	INT501	Thực tập tốt nghiệp Mạng máy tính	5			5			INT450

2	INT502	Đồ án tốt nghiệp đại học Mạng máy tính	12					12	INT501
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

P. TRƯỞNG KHOA CNTT

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Thị Diệu Anh